

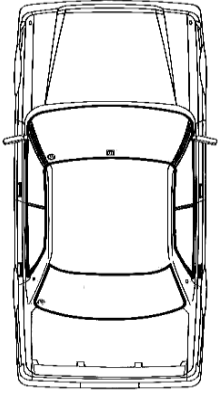
MOTOR INSURANCE - ACCIDENT REPORT

(BÁO CÁO TAI NẠN - BẢO HIỂM ÔTÔ)

This form is sent without prejudice to the Terms and Conditions of the Policy and should not be regarded as a waiver by the Company of any breach of the Policy Conditions the Insured may have committed (*Thông báo Tai nạn này được gửi mà không phương hại tới các Điều kiện và Điều khoản của Đơn bảo hiểm và không được xem là việc Công ty Bảo hiểm bỏ qua bất cứ sự vi phạm nào mà Người được bảo hiểm có thể có đối với các Điều kiện - Điều khoản của Đơn Bảo hiểm*)

IMPORTANT NOTICE: If any person has been injured or damage caused to third party property, DO NOT admit liability in any way. Communication of any kind you receive regarding the accident should be sent, immediately and unanswered, to the Company. (**CHÚ Ý QUAN TRỌNG:** Nếu có bất cứ một thương tật thân thể hay tổn thất nào đối với tài sản của bên thứ ba, KHÔNG ĐƯỢC thừa nhận trách nhiệm dưới bất cứ hình thức nào. Thông tin liên lạc dưới mọi hình thức mà bạn nhận được liên quan đến vụ tai nạn đó cần phải gửi, ngay lập tức và không được tự ý trả lời, cho Công ty Bảo hiểm).

PLEASE ANSWER ALL QUESTIONS FULLY AND RETURN FORM TO THE COMPANY WITHOUT DELAY (XIN VUI LÒNG TRẢ LỜI ĐẦY ĐỦ TẤT CẢ CÁC CÂU HỎI VÀ GỬI LẠI CHO CHÚNG TÔI TRONG THỜI GIAN SỚM NHẤT)

1) Name of Insured (<i>Người được bảo hiểm</i>)		Address (<i>Địa chỉ</i>)		Tel. No (<i>Số điện thoại</i>)	Policy No (<i>Đơn Bảo hiểm số</i>)
2. Date of Accident (<i>Ngày xảy ra tai nạn</i>)		Time (<i>Thời gian</i>)	Location (<i>Địa điểm</i>)		
3. Vehicles involved (<i>Phương tiện liên quan tới tai nạn</i>)					
	Registration No. (<i>Số đăng ký</i>)	Make of Car (<i>Nhãn hiệu xe</i>)	Approximate speed (<i>Tốc độ ước tính</i>)	Cargoes (<i>Hàng hoá</i>)	No. of Passengers (<i>Số hành khách</i>)
Insured's Vehicle (<i>Phương tiện của Người được BH</i>)					
Others (<i>Phương tiện khác</i>)					
4. Drivers at the time of accident (<i>Các lái xe tại thời điểm xảy ra tai nạn</i>)					
Diver's Name (<i>Tên lái xe</i>)	Age (<i>Tuổi</i>)	Address (<i>Địa chỉ</i>)		Driving license No (<i>Bằng lái xe số</i>)	Driving experience (<i>Kinh nghiệm</i>)
					 Years. (<i>Năm</i>)
5. Damage to Property (<i>Hư hại đối với tài sản</i>)					
5.1 To insured vehicle, please point to damaged positions (<i>Đối với phương tiện được bảo hiểm, hãy vẽ mũi tên chỉ rõ vị trí bị thiệt hại của phương tiện</i>)					
	No.	Items name (<i>Tên hạng mục bị tổn thất</i>)		Extend of damage (<i>Mức độ thiệt hại</i>)	
5.2 To any other motor vehicle (<i>Đối với phương tiện khác</i>)					
5.3 To any other property (<i>Đối với các tài sản khác</i>)					
6. Injury to persons (<i>Thương tổn đối với con người</i>)					
Name (<i>Tên người</i>)	Address (<i>Địa chỉ</i>)			Extent of injury (<i>Mức độ thương tổn</i>)	
7. Witnesses (<i>Người làm chứng</i>)					
Name of witness (<i>Tên người làm chứng</i>)	Address (<i>Địa chỉ</i>)				

[illegible]

SIGNATURE OF DRIVER (CHỮ KÝ CỦA LÁI XE)	SIGNATURE AND SEAL OF INSURED (CHỮ KÝ VÀ DẤU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM)
FULL NAME(Họ và tên):..... DATE/...../.....	FULL NAME(Họ và tên):..... DATE/...../.....